

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008



BDO AFC
Certified Public Accountants

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 6
2. Báo cáo kiểm toán	7
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	8 - 10
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
- Thuyết minh báo cáo tài chính	14 - 37



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau tại Kiên Giang, số 1114 đường Nguyễn Trung Trực, phường An Bình, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Trạm chiết nạp gas Định Bình, quốc lộ 1A, ấp Cây Trâm, xã Định Bình, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Cửa hàng điện máy Cà Mau, số 70 - 72 , đường Đề Thám, phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Nhà sách Cà Mau, Giao lộ Đề Thám, phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng may sẵn, số 64, đường Đề Thám, phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng rượu, bia, nước giải khát, số 102, đường Phan Đình Phùng, phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng công nghệ thực phẩm phường 2, số 102, đường Phan Đình Phùng, phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng bách hóa phường 4, số 15B, đường Lý Bôn, phường 4, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng nông ngư cơ, số 97, đường Lê Lợi, phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Quầy hàng Công nghệ Thực phẩm phường 2, số 09, đường Lê Lai, phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng thực phẩm Cà Mau, số 42 , đường Nguyễn Hữu Lễ, phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng công nghệ thực phẩm huyện, ấp Sở Tại, xã Thạnh Phú, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng vật liệu xây dựng, số 211, đường Lý Văn Lâm, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Kho bách hóa phường 5, đường Nguyễn Văn Trỗi, khóm 4, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng bách hóa phường 5, đặt tại đường Nguyễn Du, khóm 5, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng bách hóa phường 2, số 18, đường Đề Thám, phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng bách hóa phường 5, số 45, đường Trần Hưng Đạo, khóm 4, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng bách hóa phường 8, số 127, đường Nguyễn Tất Thành, phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng bách hóa bến tàu A, số 232, đường Lý Văn Lâm, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Cửa hàng bách hóa Năm Căn, số 02, khu vực 2, khóm 1, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng xăng dầu phường 1, số 09, đường Lý Văn Lâm, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng xăng dầu phường 4, góc đường Bùi Thị Xuân và Lý Bôn, phường 4, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng xăng dầu phường 7, khóm 7, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng gas Tân Thành, Quốc lộ 1A, đường Lý Thường Kiệt, khóm 7, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng xăng dầu Tân Thành, Quốc lộ 1A, đường Lý Thường Kiệt, khóm 7, phường 6, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau.

Tổng kho xăng dầu Định Bình, Quốc lộ 1A, ấp Cây Trâm, xã Định Bình, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng xăng dầu Định Bình, Quốc lộ 1A, ấp Cây Trâm, xã Định Bình, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng xăng dầu Tắc Vân, Quốc lộ 1A, ấp 3, xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng xăng dầu Đầm Dơi, khóm 4, Thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng xăng dầu Tân Tiến, ấp Xóm Tắc, xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng xăng dầu Gành Hào, ấp Tân Thuận, xã Lưu Hoa Thanh, huyện Đầm Dơi, Tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng xăng dầu Cái Nai, số 103, ấp Cái Nai, Thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng xăng dầu Vàm Đầm, ấp Nhà Luận, xã Tam Giang, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng xăng dầu Tân Trung, ấp Tân Trung, xã Tân Ân Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng xăng dầu Lương Thế Trân, ấp Sở Tại, xã Thạnh Phú, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng công nghệ thực phẩm Thành phố Cà Mau, số 232, đường Lý Văn Lâm, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng chuyên doanh thuốc lá, đường Nguyễn Du, khóm 5, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng bách hóa tự chọn Thới Bình, khóm 1, Thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng xăng dầu Đầm Cùng, ấp Đầm Cùng, xã Trần Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

4. Hoạt động chính

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh :

- + Xăng, dầu (dầu, dầu nhớt), Khí hóa lỏng
- + Hàng công nghệ thực phẩm, rượu, bia, thuốc lá điều các loại , nước giải khát.
- + Hàng nông sản, thủy hải sản chế biến, thực phẩm các loại, hóa mỹ phẩm các loại, xà phòng các loại, chất tẩy rửa các loại.
- + Vật liệu xây dựng, hàng kim khí điện máy, các mặt hàng gia dụng, xe gắn máy, máy nông ngư cơ, phụ tùng xe máy, phụ tùng máy nông ngư cơ, phương tiện phòng cháy chữa cháy.
- + Sách giáo khoa, dụng cụ học sinh, dụng cụ văn phòng.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã được đăng ký.

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tài chính kế toán (AFC) – Chi nhánh Cần Thơ đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp

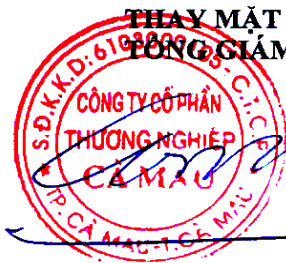
Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

9. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Cà Mau, ngày 01 tháng 03 năm 2009

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ VIỆT ÁNH

31/12/08
CT
MT
CH
CH
CH



Công ty Kiểm toán và Tư vấn
Tài chính Kế toán (AFC)

Chi nhánh Cần Thơ
237A5 Đường 30/4
Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
ĐT: (0710)3827888
Fax: (0710)3823209
Email: bdoafc.ct@bdoafc.vn

Số: 047A /2008/BCKT-AFCCT

Cần Thơ, ngày 01 tháng 03 năm 2009

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008
của Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau

**Kính gửi: Các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 8 đến trang 37 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Cuộc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng cuộc kiểm toán của chúng tôi đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

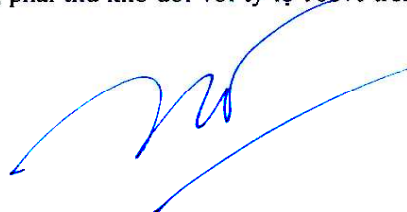
Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Ngoài ra, chúng tôi muốn lưu ý người đọc vấn đề sau:

Trong năm 2008, công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi với tỷ lệ 100% trên dư nợ khó đòi.


DANG THI MỸ VÂN
GIÁM ĐỐC
Chứng chỉ KTV số: 0173/KTV


NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH
KIỂM TOÁN VIÊN
Chứng chỉ KTV số: 600./KTV

004
TH
KẾ
HẠN
THỜI
GIỚI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/12/2007
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		191.953.249.750	-
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	41.328.435.209	-
Tiền	111		41.328.435.209	-
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	2.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	121		2.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.3	45.293.069.561	-
Phải thu khách hàng	131		43.569.492.657	-
Trả trước cho người bán	132		1.288.839.071	-
Các khoản phải thu khác	135		5.001.786.755	-
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(4.567.048.922)	-
Hàng tồn kho	140	5.4	94.569.541.240	-
Hàng tồn kho	141		104.825.418.345	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10.255.877.105)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150	5.5	8.762.203.740	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.224.376.214	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		6.537.827.526	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		59.887.025.727	-
Tài sản cố định	220		53.703.928.153	-
Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	28.149.906.055	-
- Nguyên giá	222		50.816.122.396	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.666.216.341)	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.7	25.548.932.185	-
- Nguyên giá	228		25.793.139.715	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(244.207.530)	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		5.089.913	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	4.709.088.000	-
Đầu tư vào công ty con	251		3.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	258		2.188.086.200	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(478.998.200)	-
Tài sản dài hạn khác	260	5.9	1.474.009.574	-
Chi phí trả trước dài hạn	261		1.474.009.574	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		251.840.275.477	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/12/2007
NỢ PHẢI TRẢ	300		166.464.176.611	-
Nợ ngắn hạn	310		166.335.320.723	-
Vay và nợ ngắn hạn	311	5.10	30.028.989.268	-
Phải trả người bán	312	5.11	105.775.599.877	-
Người mua trả tiền trước	313	5.11	889.069.836	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	6.049.506.490	-
Phải trả người lao động	315		4.477.747.476	-
Chi phí phải trả	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	19.114.407.776	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Nợ dài hạn	330		128.855.888	-
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		128.855.888	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		85.376.098.866	-
Vốn chủ sở hữu	410	5.14	81.908.575.950	-
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		70.000.000.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		2.722.977.805	-
Quỹ dự phòng tài chính	418		1.361.488.902	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		954.817.939	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.869.291.304	-
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		3.467.522.916	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		3.467.522.916	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		251.840.275.477	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị : VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2008	01/12/2007
Tài sản thuê ngoài			
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	
Nợ khó đòi đã xử lý			
Ngoại tệ các loại		537,76	
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHÙ CHÍ ANH

Cà Mau, ngày 02 tháng 01 năm 2009

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ VIỆT ÁNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

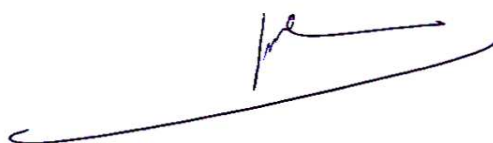
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	2.942.020.535.734	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	6.2	2.942.020.535.734	-
Giá vốn hàng bán	11	6.3	2.830.051.676.960	-
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		111.968.858.774	-
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	7.367.434.265	-
Chi phí tài chính	22	6.5	4.005.351.244	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.427.774.857	-
Chi phí bán hàng	24	6.6	65.712.343.699	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.7	20.761.693.513	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28.856.904.583	-
[30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]				
Thu nhập khác	31	6.8	9.499.349.314	-
Chi phí khác	32	6.9	517.915.632	-
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		8.981.433.682	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		37.838.338.265	-
[50 = 30 + 40]				
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	10.608.560.217	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60	6.10	27.229.778.048	-

Cà Mau, ngày 02 tháng 01 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHÙNG CHÍ ANH



TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ VIỆT ANH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Lợi nhuận trước thuế	01	37.838.338.265
Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao tài sản cố định	02	4.207.063.948
- Các khoản dự phòng	03	15.301.924.227
- Lãi , lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-
- Lãi , lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(132.487.563)
- Chi phí lãi vay	06	2.427.774.857
Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	59.642.613.734
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(42.713.373.405)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(104.825.418.345)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	159.064.279.089
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.474.009.574)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(2.427.774.857)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(5.694.080.737)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	987.586.900
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.530.930.223)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	59.028.892.582
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(5.718.362.978)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các tài sản dài hạn khác	22	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	132.487.563
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.585.875.415)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.036.073.999.015
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.038.782.731.973)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.405.849.000)

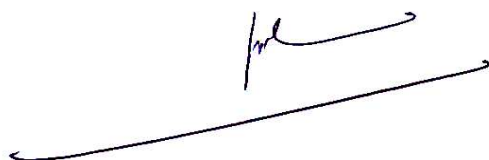
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(10.114.581.958)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ(20+30+40)	50	41.328.435.209
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	41.328.435.209

Cà Mau, ngày 02 tháng 01 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHÙNG CHÍ ANH**TỔNG GIÁM ĐỐC**

NGUYỄN THỊ VIỆT ÁNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ Phần Thương Nghiệp Cà Mau là Công ty cổ phần được thành lập từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 14 tháng 09 năm 2007 của UBND tỉnh Cà Mau phê duyệt phương án và chuyển Công ty Thương Nghiệp Cà Mau thành công ty cổ phần. Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6103000105 đăng ký lần đầu ngày 01/12/2007 do sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoạt động chính của công ty là kinh doanh:

- + Xăng dầu (dầu, dầu nhớt), khí hóa lỏng.
- + Hàng công nghệ thực phẩm, rượu, bia, thuốc lá điều các loại, nước giải khát;
- + Hàng nông sản, thủy hải sản chế biến, thực phẩm các loại, hóa mỹ phẩm các loại, xà phòng các loại, chất tẩy rửa các loại;
- + Vật liệu xây dựng, hàng kim khí điện máy, các mặt hàng gia dụng, xe gắn máy, máy nông ngư cơ, phụ tùng xe máy, phụ tùng máy nông ngư cơ, phương tiện phòng cháy chữa cháy;
- + Sách giáo khoa, dụng cụ học sinh, dụng cụ văn phòng.

Công ty được phép hoạt động trong thời gian 50 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại số 70 – 72, đường Đề Thám, phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Các chi nhánh, cửa hàng trực thuộc:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau tại Bạc Liêu, số 82/4, đường Trần Phú, phường 7, Thị xã Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau tại Sóc Trăng, số 268D, lộ Thanh Niên, khu 1, Thị trấn Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau tại TP. HCM, số 43 đường số 6, Cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau tại Kiên Giang, số 1114 đường Nguyễn Trung Trực, phường An Bình, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Trạm chiết nạp gas Định Bình, quốc lộ 1A, ấp Cây Trâm, xã Định Bình, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Cửa hàng điện máy Cà Mau, số 70 - 72, đường Đề Thám, phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Nhà sách Cà Mau, Giao lộ Đề Thám, phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng may sẵn, số 64, đường Đề Thám, phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Cửa hàng rượu, bia, nước giải khát, số 102, đường Phan Đình Phùng, phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng công nghệ thực phẩm phường 2, số 102, đường Phan Đình Phùng, phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng bách hóa phường 4, số 15B, đường Lý Bôn, phường 4, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng nông ngư cơ, số 97, đường Lê Lợi, phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Quầy hàng Công nghệ Thực phẩm phường 2, số 09, đường Lê Lai, phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng thực phẩm Cà Mau, số 42, đường Nguyễn Hữu Lễ, phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng công nghệ thực phẩm huyện, ấp Sờ Tại, xã Thạnh Phú, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng vật liệu xây dựng, số 211, đường Lý Văn Lâm, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Kho bách hóa phường 5, đường Nguyễn Văn Trỗi, khóm 4, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng bách hóa phường 5, đặt tại đường Nguyễn Du, khóm 5, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng bách hóa phường 2, số 18, đường Đề Thám, phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng bách hóa phường 5, số 45, đường Trần Hưng Đạo, khóm 4, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng bách hóa phường 8, số 127, đường Nguyễn Tất Thành, phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng bách hóa bến tàu A, số 232, đường Lý Văn Lâm, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng bách hóa Năm Căn, số 02, khu vực 2, khóm 1, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng xăng dầu phường 1, số 09, đường Lý Văn Lâm, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng xăng dầu phường 4, góc đường Bùi Thị Xuân và Lý Bôn, phường 4, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng xăng dầu phường 7, khóm 7, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng gas Tân Thành, Quốc lộ 1A, đường Lý Thường Kiệt, khóm 7, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Cửa hàng xăng dầu Tân Thành, Quốc lộ 1A, đường Lý Thường Kiệt, khóm 7, phường 6, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau.

Tổng kho xăng dầu Định Bình, Quốc lộ 1A, ấp Cây Trâm, xã Định Bình, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng xăng dầu Định Bình, Quốc lộ 1A, ấp Cây Trâm, xã Định Bình, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng xăng dầu Tắc Vân, Quốc lộ 1A, ấp 3, xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng xăng dầu Đầm Dơi, khóm 4, Thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng xăng dầu Tân Tiến, ấp Xóm Tắc, xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng xăng dầu Gành Hào, ấp Tân Thuận, xã Lưu Hoa Thanh, huyện Đầm Dơi, Tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng xăng dầu Cái Nai, số 103, ấp Cái Nai, Thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, Tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng xăng dầu Vàm Đầm, ấp Nhà Luận, xã Tam Giang, huyện Năm Căn, Tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng xăng dầu Tân Trung, ấp Tân Trung, xã Tân Ân Tây, huyện Ngọc Hiển, Tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng xăng dầu Lương Thế Trân, ấp Sở Tại, xã Thạnh Phú, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng công nghệ thực phẩm Thành phố Cà Mau, số 232, đường Lý Văn Lâm, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng chuyên doanh thuốc lá, đường Nguyễn Du, khóm 5, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng bách hóa tự chọn Thới Bình, khóm 1, Thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Cửa hàng xăng dầu Đầm Cùng, ấp Đầm Cùng, xã Trần Thới, huyện Cái Nước, Tỉnh Cà Mau.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6103000105 đăng ký lần đầu ngày 01/12/2007 do sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, vốn điều lệ của Công ty là 70.000.000.000 VND.

Chi tiết vốn góp ngày 31/12/2008 như sau:

Đối tượng	Số tiền	Tỷ lệ
Nhà nước	28.000.000.000	40%
Nhà đầu tư chiến lược	23.442.940.000	33,49%
Công nhân viên	5.239.610.000	7,49%
Công đoàn cơ sở	1.621.000.000	2,32%
Cổ đông bên ngoài	11.696.450.000	16,71%
Tổng cộng	70.000.000.000	100%



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2008, tổng số cán bộ nhân viên công ty là 464 người, trong đó số nhân viên quản lý là 145 người.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính năm đầu tiên bắt đầu từ ngày 01 tháng 12 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Năm tài chính tiếp theo của công ty sẽ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.2. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

4.3. Khoản phải thu khách hàng

Khoản phải thu khách hàng được trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị của hóa đơn gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán, phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lập dự phòng là 100%.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

4.4. Hàng tồn kho.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đảm bảo giá trị được ghi nhận là giá thấp hơn khi so giữa giá gốc và giá trị thị trường có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho số lỗ ước tính phát sinh khi giá gốc vượt quá giá trị có thể thực hiện được của hàng tồn kho vào ngày kết thúc năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào khoản mục giá vốn hàng bán trong năm tài chính.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Bình quân gia quyền.

4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình và khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với qui định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản cho mục đích tính toán này như sau:

Loại tài sản cố định	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải	06 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định vô hình	03 – 17

4.6. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư ngắn hạn:

Đầu tư ngắn hạn là các khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn không quá 12 tháng và các khoản đầu tư được giữ lại với ý định để bán trong vòng 12 tháng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Đầu tư ngắn hạn được hạch toán theo giá gốc.

Đầu tư vào các công ty con:

Các khoản đầu tư vào các công ty con được trình bày theo giá gốc trong báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ.

Đầu tư tài chính dài hạn:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Tiền gửi ngân hàng dài hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng tính từ ngày của bảng cân đối kế toán và được hạch toán theo giá gốc.

Đầu tư trái phiếu được trình bày theo giá gốc, với ý định không bán lại trong vòng 12 tháng tính từ ngày của bảng cân đối kế toán. Đầu tư trái phiếu được hạch toán theo giá gốc.

Đầu tư dài hạn là các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế niêm yết hoặc chưa niêm yết, với ý định không bán lại trong vòng 12 tháng tính từ ngày của bảng cân đối kế toán. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được lập cho các chứng khoán mà Công ty đầu tư bị giảm giá trên thị trường.

4.7. Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước dùng để phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: phương pháp đường thẳng.

4.9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là Công ty sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

4.10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

4.11. Quỹ lương trong năm

Công ty trích quỹ lương năm 2008 vào chi phí căn cứ theo biên bản họp của Hội đồng Quản trị ngày 29 tháng 05 năm 2008, tỷ lệ trích là 0,79% trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (không bao gồm doanh thu nội bộ).

4.12. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn.

Trong năm 2008, Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn theo tỷ lệ sau:

Bảo hiểm xã hội trích trên tiền lương đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế vào chi phí là 15% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 5%.

Bảo hiểm y tế được trích trên tiền lương đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế vào chi phí là 2% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 1%.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Kinh phí công đoàn được trích trên tổng quỹ lương là 2%

4.13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu: phản ánh số vốn thực tế đã góp bằng tiền, bằng tài sản khi thành lập.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: phản ánh kết quả kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận của doanh nghiệp.

4.14. Doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận tại thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ cho người mua.

Tiền lãi, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.15. Nguyên tắc ghi nhận Chi phí hoạt động tài chính

Là tổng chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ.

4.16. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế GTGT phải nộp theo quy định của luật thuế GTGT

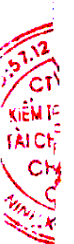
Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Thuế suất thuế TNDN là 28%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) trong năm là chi phí thuế TNDN hiện hành .

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chi phí không hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế.

Các loại thuế khác: Theo quy định hiện hành của Việt Nam



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2008 (VND)	01/12/2007 (VND)
Tiền mặt tại quỹ	(i) 12.610.278.781	-
Tiền gửi ngân hàng	(ii) 28.718.156.428	-
Cộng	41.328.435.209	-

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ ngày 31 /12/2008 bao gồm:

	VND
Văn phòng công ty	10.646.541.562
Cửa hàng Xăng Dầu Tân Thành	7.301.098
Cửa hàng Bách hóa Năm Căn	496.194
Cửa hàng Xăng Dầu Tắc Vân	1.436.000
Cửa hàng Xăng Dầu Định Bình	18.000
Cửa hàng Bách hoá Bạc Liêu	200.000
Chi nhánh Công ty tại Bạc Liêu	1.259.486.960
Cửa hàng Bách hóa Phường 4	9.096.560
Cửa hàng Bách hóa tự chọn Thới Bình	524.800
Cửa hàng Bách hóa Kiên Giang	598.637.474
TT PP Hàng Tiêu Dùng Cà Mau-Bạc Liêu	90
Văn phòng đại diện TP.HCM	86.540.043
Cộng	12.610.278.781

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 /12/2008 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Ngoại tệ(USD)		8.618.440
Ngân hàng Công Thương - CN Cà Mau	537,76 #	8.618.440
Đồng Việt Nam		28.709.537.988
Ngân hàng Công Thương - CN Cà Mau		10.567.619.475
Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát triển Nông Thôn - CN Cà Mau		5.797.664.676
Ngân hàng Ngoại Thương - CN Cà Mau		7.710.599.419
Ngân Hàng Đầu Tư & Phát Triển - CN Cà Mau		825.622.325
Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn- CN Ngọc Hiển		1.653.262
Ngân hàng Công Thương - CN Bạc Liêu		635.084.660
Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn- CN Đầm Dơi		2.113.226
Ngân hàng Ngoại Thương - CN Bình Tây, TP.HCM		5.008.598
Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn- CN Đông Hải		1.507.183

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 /12/2008 bao gồm:

	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn- CN Vĩnh Châu, Sóc Trăng		1.840.605
Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn- CN Cái Nước		1.490.400
Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn- CN Thới Bình		2.548.912
Ngân hàng Công Thương - CN Kiên Giang		1.942.594
Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn- CN Ngã Năm, Sóc Trăng		1.357.610
Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín- CN Cà Mau		3.151.656.243
Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín- CN Kiên Giang		1.828.800
Cộng		<u>28.718.156.428</u>

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>31/12/2008</u>	<u>01/12/2007</u>
	<u>(VND)</u>	<u>(VND)</u>
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn		
Đầu tư ngắn hạn khác (i)	2.000.000.000	
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	
Cộng	<u>2.000.000.000</u>	

(i) Đây là khoản đầu tư vốn vào Công ty CP Duyên Việt để sản xuất và phát hành lịch Bloc năm 2009.

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	<u>31/12/2008</u>	<u>01/12/2007</u>
	<u>(VND)</u>	<u>(VND)</u>
Phải thu khách hàng (i)	43.569.492.657	-
Trả trước cho người bán (ii)	1.288.839.071	-
Các khoản phải thu khác (iii)	5.001.786.755	-
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (iiii)	(4.567.048.922)	-
Cộng	<u>45.293.069.561</u>	-

(i) Chi tiết phải thu khách hàng theo cửa hàng đến ngày 31/12/2008 bao gồm:

	<u>VND</u>
Văn Phòng Công ty	2.134.878.154
Cửa hàng Vật liệu xây dựng Phường 1	3.560.440.111
Cửa hàng Xăng Dầu Phường 7	86.049.024
Cửa hàng Xăng Dầu Tân Thành	40.005.467
Cửa hàng Xăng Dầu Năm Căn	32.694.732
Cửa hàng Xăng Dầu Phường 1	4.300.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

(i) Chi tiết phải thu khách hàng theo cửa hàng đến ngày 31/12/2008 bao gồm:

	VND
Cửa hàng Công nghệ Thực phẩm	8.404.083.381
Cửa hàng May sẵn tự chọn	1.931.000
Cửa hàng Xăng Dầu Phường 4	47.233.053
Cửa hàng Văn phòng phẩm	14.694.965
Cửa hàng Bách hóa Năm Căn	2.629.510.057
Cửa hàng Điện máy Cà Mau (bán trả góp)	9.522.037.200
Cửa hàng Nông ngư cơ Cà Mau	643.704.743
Cửa hàng Xăng dầu Tắc Vân	305.950.879
Cửa hàng Điện máy Bạc Liêu (bán trả góp)	1.265.358.718
Cửa hàng Gas Định Bình	12.030.000
Cửa hàng xe gắn máy Cà Mau (bán trả góp)	616.389.000
Cửa hàng Thực Phẩm Cà Mau	21.000.000
Cửa hàng Xăng Dầu Lương Thế Trân	52.197.468
Cửa hàng Xăng Dầu Đầm Dơi	50.000.000
Cửa hàng Xăng Dầu Định Bình	73.669.563
Cửa hàng Xe máy SYM-VMEP Bạc Liêu (bán trả góp)	1.389.213.000
Cửa hàng Công Nghệ T.Phẩm Trà Kha	3.151.962.751
CN Công ty TNCM tại Sóc Trăng	455.081.055
Cửa hàng Công Nghệ Thực phẩm TPCM	3.001.752.574
Cửa Hàng Chuyên Doanh Thuốc Lá.	678.704.099
CH Bách hóa Tự chọn Thới Bình	696.182.070
CH Rượu Bía Nước Giải Khát	354.621.000
CN Cty CP Thương Nghiệp Cà Mau tại Kiên Giang	2.272.368.241
Trung Tâm Phân Phối Hàng Tiêu Dùng Cà Mau - Bạc Liêu	1.313.641.212
CH Công nghệ Thực Phẩm Ngã Năm	737.809.140
Cộng	43.569.492.657

(ii) Trả trước cho người bán

	VND
CTy TNHH TM CBTP Tân Tân	84.827.768
CTy Cổ Phần Lương Thực TP Colusa - Miliket	106.561.702
CTy Cổ Phần Pin AcQuy Miền Nam - Pinaco	133.102.219
Cty CP SXTM Thành Long	733.114.037
Khác	231.233.345
Cộng	1.288.839.071

(iii) Chi tiết các khoản phải thu khác:

	VND
Công ty TNHH I TV Bách Việt	3.655.413.689
Công ty Thiết Kế Vinh Mẫn	150.000.000
Hồ Xuân Dương	380.000.000
Lê Huy Bằng	123.034.374
Lãi trái phiếu, cổ phiếu	261.936.944

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Thuế thu nhập cá nhân	85.983.799
Khác	345.417.949
Cộng	5.001.786.755

(iii) Chi tiết dự phòng phải thu khó đòi :

	VND
Văn phòng công ty	16.790.769
Cửa hàng VLXD phường 1	12.072.422
Cửa hàng Xăng Dầu phường 7	11.680.570
Cửa hàng Xăng Dầu Năm Căn	19.134.700
Cửa hàng Xăng Dầu phường 1	4.300.000
Cửa hàng Công Nghệ Thực Phẩm	160.858.769
Cửa hàng Xăng Dầu phường 4	2.388.012
Cửa hàng Bách Hóa Năm Căn	195.537.046
Cửa hàng Điện Máy Cà Mau (bán trả góp)	2.027.494.000
Cửa hàng Nông Ngư Cơ Cà mau	11.480.000
Cửa hàng Xăng Dầu Tắc Vân	123.567.156
Cửa hàng Điện Máy Bạc Liêu (bán trả góp)	370.556.000
Cửa hàng Gas Tân Thành	4.400.000
Cửa hàng xe Gắn Máy Cà Mau (bán trả góp)	552.599.000
Cửa hàng Xăng Dầu Lương Thế Trân	52.197.468
Cửa hàng Xăng Dầu Định Bình	4.546.579
Cửa hàng xe Gắn Máy SYM (bán trả góp)	406.698.000
Cửa hàng Công Nghệ Thực Phẩm Trà Kha	31.344.572
Cửa hàng Công Nghệ Thực Phẩm TPCM	4.464.723
Cửa hàng Chuyên Doanh thuốc lá	9.343.000
Cửa hàng Bách Hóa Thới Bình	230.761.267
Cửa hàng Bia-Nước Giải Khát	25.409.000
Chi nhánh Công ty TNCM tại Kiên Giang	276.405.575
Trung tâm PP hàng tiêu dùng CM-BL	3.929.913
Cửa hàng công Nghệ Thực Phẩm Ngã năm	9.090.381
Cộng	4.567.048.922

5.4. Hàng tồn kho

	31/12/2008 (VND)	01/12/2007 (VND)
Hàng mua đang đi đường	273.185.510	
Hàng hóa	104.552.232.835	
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(10.255.877.105)	
Cộng	94.569.541.240	

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

5.6. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

NGUYÊN GIÁ								
Số dư tại ngày 01/12/2007	-	-	-	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	4.455.479.850	-	658.476.190	342.216.367	-	-	5.456.172.407	-
- Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác(*)	28.379.498.334	4.840.095.851	11.651.250.257	1.537.736.587	701.808.000	47.110.389.029	786.380.000	964.059.040
- Thanh lý, nhượng bán	-	23.380.000	763.000.000	-	-	-	-	-
- Giảm khác	3.653.000	129.233.240	87.750.000	701.214.800	42.208.000	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2008	32.831.325.184	4.687.482.611	11.458.976.447	1.178.738.154	659.600.000	50.816.122.396	-	-
GIÁ TRỊ HAO MÒN								
Số dư tại ngày 01/12/2007	-	-	-	-	-	-	-	-
- Khấu hao trong năm	1.262.553.220	935.220.012	1.253.010.590	472.984.038	130.386.665	4.054.154.525	19.759.810.435	364.946.556
- Tăng khác (*)	9.868.511.026	2.897.115.630	5.839.150.502	765.525.940	389.507.337	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	17.349.333	347.597.223	-	-	-	-	-
- Giảm khác	2.435.333	85.261.562	73.909.028	591.694.805	29.501.335	782.802.063	22.666.216.341	-
Số dư tại ngày 31/12/2008	11.128.628.913	3.729.724.747	6.670.654.841	646.815.173	490.392.667	-	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI								
Tại ngày 01/12/2007	-	-	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2008	21.702.696.271	957.757.864	4.788.321.606	531.922.981	169.207.333	28.149.906.055	-	-

GTCL cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp đảm bảo các khoản vay: không
 Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.736.293.039 VND
 Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: không
 (*) Đây là số liệu bàn giao của DNNN (Công ty Thương Nghiệp Cà Mau) chuyển sang.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

5.7. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Tài sản vô hình khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại ngày 01/12/2007	-	-	-	-
- Mua trong năm	9.959.123.810	276.380.000	-	10.235.503.810
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-
- Tăng khác (*)	15.146.794.425	410.841.480	2.124.280.676	17.681.916.581
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	2.124.280.676	-
Số dư tại ngày 31/12/2008	25.105.918.235	687.221.480	-	25.793.139.715
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Số dư tại ngày 01/12/2007	-	-	-	-
- Khấu hao trong năm	4.550.000	148.359.423	-	152.909.423
- Tăng khác(*)	-	91.298.107	-	91.298.107
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2008	4.550.000	239.657.530	-	244.207.530
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/12/2007	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2008	25.101.368.235	447.563.950	-	25.548.932.185

(*) Đây là số liệu bàn giao của DNNN (Công ty Thương Nghiệp Cà Mau) chuyển sang.

5.8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2008 (VND)	01/12/2007 (VND))
Đầu tư vào công ty con (i)	3.000.000.000	
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-	
Đầu tư cổ phiếu (ii)	1.588.086.200	
Đầu tư Công trái, trái phiếu Chính Phủ	600.000.000	
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (iii)	(478.998.200)	
Cộng	4.709.088.000	

(i) Đây là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Một Thành viên Bách Việt, tỷ lệ góp vốn là 100%.

(ii) Chi tiết khoản đầu tư vào cổ phiếu tại ngày 31/12/2008 bao gồm:

Tên công ty	Số cổ phần	Số tiền
Công ty Cổ phần Sabeco Sông Hậu	2.150	21.500.000
Công ty Cổ phần Vật Tư Xăng Dầu Petec	30.000	312.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Công ty Cổ phần Cà Phê Petec	43.800	426.000.000
Công ty Cổ phần Thương Mại Cần thơ	3.200	74.880.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2	21.100	553.706.200
Công ty Cổ phần Kinh Đô	1.500	200.000.000
Cộng		<u>1.588.086.200</u>

(iii) Chi tiết dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31/12/2008 bao gồm:

Tên công ty	Số tiền lập dự phòng
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2	326.248.200
Công ty Cổ phần Kinh Đô	152.750.000
Cộng	<u>478.998.200</u>

5.9 Tài sản dài hạn khác

	31/12/2008 (VND)	01/12/2007 (VND)
Chi phí trả trước dài hạn	(i) 1.474.009.574	
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	
Tài sản dài hạn khác	-	
Cộng	<u>1.474.009.574</u>	

(i) Chi tiết chi phí trả trước tại ngày 31/12/2008 bao gồm:

	VND
Lợi thế thương mại	1.416.187.117
Dụng cụ văn phòng	57.822.457
Cộng	<u>1.474.009.574</u>

5.10 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2008 (VND)	01/12/2007 (VND)
Vay ngắn hạn	(i) 30.028.989.268	
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	
Cộng	<u>30.028.989.268</u>	

(i) Đây là khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Ngoại thương - CN Cà Mau, theo Hợp đồng tín dụng số 0708/NHNT ngày 31/12/2008

Hạn mức vay:	50.000.000.000
Mục đích vay:	Bổ sung vốn lưu động
Lãi suất vay:	0,9%/ tháng
Thời hạn vay:	2 tháng
Hình thức đảm bảo tiền vay:	Tín chấp

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

5.11. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	31/12/2008 (VND)	01/12/2007 (VND)
Phải trả người bán	(i) 105.775.599.877	
Người mua trả tiền trước	(ii) 889.069.836	
Cộng	106.664.669.713	
(i) Chi tiết phải trả người bán tại ngày 31/12/2008 bao gồm:		
		VND
Công ty TNHH Castrol BP Petco (Nhót Castrol)		101.219.630
Công ty Liên Doanh Total Gas Cần Thơ		102.602.979
Công ty TNHH Cơ Khí MIAN LAN		106.400.000
Lâm Hồng Phước		112.646.000
DNTN Thuốc Lá Hoàng		115.603.819
Kim Luân		116.823.495
DNTN Thép Phú Vinh		119.538.165
Công ty TNHH Mobil Unique _Vô mương		125.000.000
CN Công ty Cổ Phần Sữa Việt Nam tại Cần Thơ-TB		125.593.334
Công ty TNHH Một Thành Viên Bách Việt		122.598.475
Công ty TNHH SXTM ĐT Thiên Thành Đạt		135.190.000
Công ty Điện Tử SamSung Vina		136.556.015
CN Công ty TNHH Thanh Nhé		140.512.911
CN Công ty Cổ Phần Đường Biên Hoà Tại Cần Thơ		142.800.000
Công ty Cổ Phần Bánh Lubico		143.212.568
Công ty TNHH TM Tâm Hoàn Châu		180.750.000
Công ty TNHH Máy Tính Kiến Tường		184.411.012
Công ty TNHH Dược Phẩm AAA - CN Cần Thơ		234.996.686
Cn Công ty Cổ Phần Sữa Vn tại Cần Thơ (Sữa Bột)		242.912.890
CN Công ty CP sữa Việt Nam tại Cần Thơ_NC		262.626.798
Công ty TNHH SPTD TOSHIBA Việt Nam (Tivi)		271.735.000
Công ty LD Total Gas Cần Thơ_Vô mương		278.250.000
CN Công Ty TNHH Dược Phẩm 3A		279.091.804
Công ty Dầu Ăn GOLDEN HOPE Nhà Bè		285.539.320
Công ty TNHH Phúc Ngọc Anh		299.750.000
CN Công ty CPKD khí hoá lỏng MN tại Cần Thơ		311.564.080
Công ty TNHH TM Hằng Thông		356.230.000
Công ty TNHH TMDV Hai Sáu Sáu		412.405.000
Công ty Cổ Phần Dầu Thực Vật Tân Bình		448.365.927

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

(i) Chi tiết phải trả người bán tại ngày 31/12/2008 bao gồm:

	VND
Công ty Cổ phần Duyên Việt	466.745.193
Công ty Liên Doanh LEVER VN	476.993.617
Công ty Cổ Phần Hoá Dầu Mê Kông	597.150.000
Công ty Hàng Gia Dụng Toshiba Việt Nam	794.074.995
CN Công ty Cổ Phần Sữa Việt Nam tại Cần Thơ	807.768.697
Công ty Liên Doanh LEVER VN	944.167.708
Công ty TNHH MIWON Việt Nam	949.437.303
Công ty TNHH PETRONAS (Việt Nam)	1.042.408.797
Công ty LD Khí Đốt Sài Gòn ELF Gas	1.324.856.307
CN Công ty Cổ Phần Sữa Việt Nam tại Cần Thơ(Kiên Giang)	1.365.097.265
CN Công ty TNHH Phước Thọ	1.380.566.250
CN Công ty TNHH Acecook VN Tại TP Cần Thơ	1.389.940.013
Công ty LD Khí Đốt Sài Gòn (ELF Gas)	1.473.209.826
CN Miền Tây - Công ty Thép Miền Nam	1.797.762.951
CN Tổng Công ty Dầu Việt Nam tại Cà Mau (PV OIL)	32.664.302.806
Công ty TM KT & ĐT Petec - CN Cà Mau	48.652.083.205
Khác	3.754.109.036
Cộng	105.775.599.877

(ii) Chi tiết người mua trả tiền trước tại ngày 31/12/2008 bao gồm:

	VND
Văn phòng công ty	830.926.177
Cửa hàng VLXD phường 1	13.656.300
Cửa hàng Bách hóa Năm Căn	13.384.149
Cửa hàng Xe Gắn Máy Cà Mau	13.174.000
Cửa hàng Công Nghệ Thực Phẩm	10.431.725
Các cửa hàng còn lại	7.497.485
Cộng	889.069.836

5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2008 (VND)	01/12/2007 (VND)
Thuế giá trị gia tăng	74.445.001	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.778.560.217	
Thuế thu nhập cá nhân	195.501.272	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.000.000	
Cộng	6.049.506.490	

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

5.13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2008 (VND)	01/12/2007 (VND)
Tài sản thừa chờ giải quyết	(i) 292.325.180	
Kinh phí công đoàn	380.066.110	
Bảo hiểm xã hội	149.466.961	
Bảo hiểm y tế	5.295.510	
Phải trả về cổ phần hóa	163.788.269	
Phải trả, phải nộp khác	(ii) 18.123.465.746	
Cộng	19.114.407.776	

(i) Đây là giá trị hàng hóa thừa trong kiểm kê.

(ii) Chi tiết phải trả, phải nộp khác tại ngày 31/12/2008 bao gồm:

	VND
Sở Tài chính Cà Mau	9.711.546.417
Đoàn Thanh Niên CTy TNCM	43.155.892
Ban Giải phóng mặt bằng QL 1A	66.070.350
Quỹ Công Đoàn CTy TNCM	488.534.600
Lệ phí trước bạ XGM	39.313.579
Tiền Lãi Bán Hàng Trả góp	2.410.996.921
Cửa hàng NN Cơ	74.571.405
BHXXH đã thu của nhân viên	8.083.825
Giá trị SP nhận bảo hành	86.949.757
CH Rượu bia NGK	92.000
Cổ tức phải trả cho cổ đông	5.194.151.000
Cộng	18.123.465.746

0000
Y TNP
NHVAT
NHKE
NHAN
NTHG
U-TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

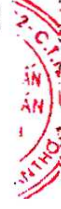
5.14 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận chưa PP	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn trong năm nay(*)	70.000.000.000	-	-	-	-	-	70.000.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	27.229.778.048	27.229.778.048
Tăng khác	-	1.361.488.902	-	2.722.977.805	954.817.939	-	5.039.284.646
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác (**)	-	-	-	-	-	7.760.486.744	7.760.486.744
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	12.600.000.000	12.600.000.000
Số dư cuối năm nay	70.000.000.000	1.361.488.902	2.722.977.805	954.817.939	6.869.291.304	81.908.575.950	

(*) Tăng vốn theo số liệu bản giao của DNNN (Công ty Thương Nghiệp Cà Mau) chuyển sang.

(**) Tạm trích các quỹ theo Biên bản họp HĐQT, chờ đại hội thành viên thông qua.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2008 (VND)	01/12/2007 (VND)
Vốn Nhà nước	28.000.000.000	
Vốn góp của đối tượng khác	42.000.000.000	
+ Nhà đầu tư chiến lược	23.442.940.000	
+ Công nhân viên	5.239.610.000	
+ Công đoàn cơ sở	1.621.000.000	
+ Cổ đông bên ngoài	11.696.450.000	
Cộng	70.000.000.000	

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/12/2008 (VND)	01/12/2007 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	-	
Vốn góp tăng trong năm	70.000.000.000	
Vốn góp giảm trong năm	-	
Vốn góp cuối năm	70.000.000.000	
Cổ tức và lợi nhuận đã chia năm 2008	12.600.000.000	

Cổ phiếu

	31/12/2008 (VND)	01/12/2007 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.000.000	
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.000.000	
Cổ phiếu phổ thông	7.000.000	
Cổ phiếu ưu đãi	-	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.000.000	
Cổ phiếu phổ thông	7.000.000	
Cổ phiếu ưu đãi	-	
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND	

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2008 (VND)	2007 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.942.020.535.734	
Doanh thu Xăng Dầu	1.802.095.290.053	
Doanh thu hàng Bách hóa	901.832.598.480	
Doanh thu hàng hóa khác	226.739.362.044	
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.353.285.157	

6.2. Doanh thu thuần

	2008 (VND)	2007 (VND)
D. thu thuần về bán hàng và cung cấp d. vụ	2.942.020.535.734	
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm hàng hoá	2.930.667.250.577	
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	11.353.285.157	

6.3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2008 (VND)	2007 (VND)
Giá vốn Xăng Dầu	1.748.800.922.255	
Giá vốn hàng Bách hóa	868.248.026.642	
Giá vốn hàng hóa khác	213.002.728.063	
Cộng	2.830.051.676.960	

6.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	2008 (VND)	2007 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.082.419.171	
Lãi bán hàng trả chậm, trả góp	1.992.527.531	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	132.487.563	
Lãi hoạt động tài chính khác	160.000.000	
Cộng	7.367.434.265	

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

6.5. Chi phí hoạt động tài chính

	2008 (VND)	2007 (VND)
Chi phí lãi vay	2.427.774.857	
Chiết khấu thanh toán	114.031.000	
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	478.998.200	
Chi phí tài chính khác	984.547.187	
Cộng	4.005.351.244	

6.6. Chi phí bán hàng

	2008 (VND)	2007 (VND)
Chi phí nhân viên	19.346.214.782	
Chi phí vật liệu, bao bì	998.895.557	
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.819.629.665	
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.147.338.550	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.611.171.899	
Chi phí bằng tiền khác	14.789.093.246	
Cộng	65.712.343.699	

6.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2008 (VND)	2007 (VND)
Chi phí nhân viên	9.759.005.786	
Chi phí vật liệu quản lý	355.665.873	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	59.725.399	
Thuế, phí, lệ phí	492.337.209	
Trích lập dự phòng	4.567.048.922	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.525.354.258	
Chi phí bằng tiền khác	3.002.556.066	
Cộng	20.761.693.513	

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

6.8. Thu nhập khác

	2008 (VND)	2007 (VND)
Thu từ các khoản thưởng, chiết khấu, hỗ trợ bán hàng	8.582.185.250	
Thanh lý tài sản cố định	585.108.224	
Thu từ các khoản nợ đã xóa	39.574.000	
Thu nhập từ các khoản vi phạm hợp đồng	21.760.000	
Thu nhập từ hàng thừa	130.988.499	
Thu nhập từ hàng khuyến mãi của nhà PP	129.843.901	
Khác	9.889.440	
Cộng	9.499.349.314	

6.9. Chi phí khác

	2008 (VND)	2007 (VND)
Thanh lý TSCĐ	415.402.777	
Phạt hành chính	99.764.360	
Khác	2.748.495	
Cộng	517.915.632	

6.10. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

	2008 (VND)	2007 (VND)
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	37.838.338.265	
- Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	-	
+ Các khoản điều chỉnh tăng	181.864.360	
+ Các khoản điều chỉnh giảm	132.487.563	
- Tổng thu nhập chịu thuế	37.887.715.062	
- Thuế suất thuế TNDN hiện hành	28%	
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	10.608.560.217	
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	27.229.778.048	
- Phân chia lợi nhuận sau thuế TNDN	-	
+ Trích quỹ dự phòng tài chính 5%	1.361.488.902	
+ Trích quỹ đầu tư phát triển 10%	2.722.977.805	
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 10%	2.722.977.805	

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

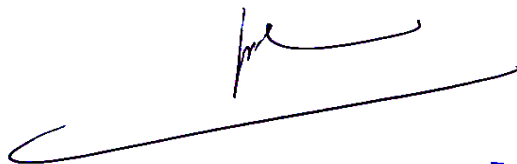
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

	2008 (VND)	2007 (VND)
+ Trích quỹ ban điều hành 2%	544.595.561	
+ Quỹ khen thưởng HĐQT, ban kiểm soát 1,5%	408.446.671	
+ Chia cổ tức cho cổ đông	12.600.000.000	
- Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	6.869.291.304	

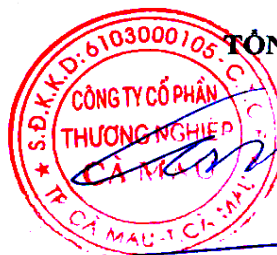
Ngày 02 tháng 01 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHÙNG CHÍ ANH

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ VIỆT ANH